

Số: 182 /BC-UBND

Hoàng Cát, ngày 18 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO
Thu- Chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024

I. THU NGÂN SÁCH

Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ %
A	2	4	
Tổng thu	11.318,386	2.928,117	25,87
I. Các khoản thu 100%	66,752	37,399	56,03
- Phí, lệ Phí	11,752	6,366	54,17
- Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	55,000	31,033	56,42
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	6.997,539	260,828	3,73
1. Các khoản thu phân chia	260,236	28,145	10,82
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	47,936	6,150	12,83
- Thuế SD đất NNo			
- Lệ Phí môn bài Thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5,100	5,100	100,00
- Lệ Phí trước bạ Nhà, đất	207,200	16,896	8,15
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	6.737,303	232,683	3,45
- Thuế tài nguyên			
- Tiền sử dụng đất	6.653,000	184,047	2,77
- Tiền cho thuê mặt đất mặt nước	7,293	,380	5,21
- Thuế giá trị gia tăng	12,007	5,223	43,50
- Thu khác về thuế	,000		
- Thuế Thu nhập cá nhân	65,003	43,033	66,20
- Các khoản Thu phân chia khác			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			
IV. Thu chuyển nguồn		615,703	
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			
VI. Kinh phí tăng lương còn lại từ nguồn xã	232,786		
VII. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.732,723	2.014,187	53,96
- <i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>3.732,723</i>	<i>1.960,000</i>	<i>52,51</i>
Kinh phí tăng lương còn lại từ nguồn huyện	288,586		

- Bổ sung có mục tiêu		54,187	
T. đó + Bổ sung KP hỏa táng		30,000	
'+ Bổ sung KP rà soát giảm nghèo bền vững		14,187	
'+ Hỗ trợ thuốc diệt chuột		10,000	

II. CHI NGÂN SÁCH

Nội dung	Quyết toán		
	Tổng số	ĐTPT	TX
1	5	6	7
Tổng chi	2.523.275.952	91.500.000	2.431.775.952
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	38.310.997		38.310.997
- Chi dân quân tự vệ	23.000.000		23.000.000
- Chi trật tự an toàn xã hội	15.310.997		15.310.997
2. Chi phát thanh, truyền hình	18.080.000		18.080.000
3. Chi các hoạt động kinh tế	146.800.000		146.800.000
- Giao thông			
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	146.800.000		146.800.000
4. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	2.152.280.955	91.500.000	2.060.780.955
Trong đó: Quỹ lương (CBCC)	664.265.110		664.265.110
4.1. Quản lý Nhà nước	2.026.568.955	91.500.000	1.935.068.955
4.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	49.500.000		49.500.000
4.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	27.000.000		27.000.000
4.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	24.412.000		24.412.000
4.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	5.000.000		5.000.000
4.6. Hội Cựu chiến binh	16.050.000		16.050.000
4.7. Hội Nông dân			
4.8. Chi hỗ trợ khác			
5. Chi cho công tác xã hội	161.434.000		161.434.000
- Trợ cấp hàng tháng. BHYT cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và Trợ cấp khác	87.084.000		87.084.000
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			
- Kinh phí hỗ trợ hỏa táng	30.000.000		30.000.000
- Kinh phí mừng thọ	45.350.000		45.350.000
6. Chi khác	6.370.000		6.370.000

7. Dự phòng			
8. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau			

Nơi nhận:

- T.Tr HĐND-UBND Huyện (b/c)
- T.Tr Đảng uỷ-HĐND (b/c);
- T.Tr MTTQ-Các ngành đoàn thể;
- Đại biểu HĐND;
- Các thôn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Văn An**